

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ THỊ THÚY VÂN

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 2: **PGS.TS. NGUYỄN TRƯỜNG SƠN**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 02
năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, vấn đề việc làm ở nước ta đã từng bước được giải quyết theo hướng tuân theo quy luật khách quan của kinh tế hàng hóa và thị trường lao động, góp phần đưa nền kinh tế nước ta phát triển đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, thực trạng vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay vẫn còn có nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là từ sau khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Lao động nữ thuộc nhóm lao động yếu thế. Điều này không chỉ xuất phát từ đặc điểm tự nhiên về sức khỏe, giới tính, mà còn xuất phát từ thiên chức, trách nhiệm và gánh nặng gia đình, con cái... Việc làm của phần lớn lao động nữ thiếu ổn định, thu nhập thấp; phụ nữ dễ bị tổn thương trong công việc và ít nhận được các thỏa thuận việc làm chính thức; số lao động nữ hoạt động trong khu vực phi chính thức tăng; lượng lao động nữ di cư tự phát ra thành phố do thiếu việc làm gia tăng nhanh... Điều đó chứng minh rõ nét vấn đề việc làm của lao động nữ luôn là một vấn đề bức xúc và thiếu các yếu tố liên quan đến việc làm bền vững.

Do đó, giải quyết việc làm, ổn định việc làm cho người lao động nói chung và lao động nữ nói riêng luôn là một trong những vấn đề được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ cũng được chính quyền địa phương xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Xuất phát từ nhu cầu bức xúc của công tác giải quyết việc làm

cho lực lượng lao động nữ ở thành phố Đồng Hới hiện nay, đồng thời mong muốn xây dựng một số giải pháp góp phần tích cực trong việc tạo việc làm cho lao động nữ ở Thành phố Đồng Hới, tôi quyết định lựa chọn đề tài “*Giải quyết việc làm cho lao động nữ Thành phố Đồng Hới*” làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát được lý luận và thực tiễn của công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ.

- Đánh giá thực trạng của công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Đồng Hới.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn Thành phố Đồng Hới

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Việc làm lao động nữ

Phạm vi nghiên cứu: Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, coi trọng phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, thống kê, hệ thống, kết hợp với phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn và kinh nghiệm về vấn đề giải quyết việc làm để phát triển kinh tế - xã hội ở thành phố Đồng Hới.

5. Nội dung của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương,

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về giải quyết việc làm cho lao động nữ

Chương 2: Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nữ tại thành phố Đồng Hới

Chương 3: Giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nữ tại thành phố Đồng Hới hiện nay

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

1.1.1. Khái niệm về lao động

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải tạo tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu, đồng thời cải tạo cả bản thân con người.

Như vậy, lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và cả giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước.

1.1.2. Đặc điểm của của lao động nữ

Lao động nữ hiện là một bộ phận quan trọng của nguồn nhân lực, chiếm 48,8% lực lượng lao động xã hội. Trừ một số ngành chuyên môn như y tế, giáo dục nơi thu hút nhiều lao động nữ, trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đặc biệt ở một số doanh nghiệp đặc thù như: Dệt may, da giày, nuôi trồng và chế biến thủy sản, sản xuất đồ gỗ, tân dược... thì tỷ lệ lao động nữ khá cao.

1.1.3. Việc làm và phân loại việc làm

a. Việc làm

- Việc làm là sự kết hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất nhằm biến đổi đối tượng lao động theo mục đích của con người.

- Theo Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2012. Điều 9, Chương II chỉ rõ: "Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm" [10,tr.4]

Việc làm là phạm trù kinh tế biểu hiện sự kết hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất nhằm biến đổi đối tượng lao động theo những mục đích của con người (tạo ra thu nhập, ra của cải vật chất hoặc thoả mãn những nhu cầu nào đó...), phù hợp với những quy định của pháp luật.

b. Vai trò của việc làm

Việc làm có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, nó không thể thiếu đối với từng cá nhân và toàn bộ nền kinh tế, là vấn đề cốt lõi và xuyên suốt trong các hoạt động kinh tế, có mối quan hệ mật thiết với kinh tế và xã hội, nó chi phối toàn bộ mọi hoạt động của cá nhân và xã hội.

Đối với từng cá nhân thì có việc làm đi đôi với có thu nhập để nuôi sống bản thân mình, vì vậy nó ảnh hưởng trực tiếp và chi phối toàn bộ đời sống của cá nhân.

Đối với kinh tế thì lao động là một trong những nguồn lực quan trọng, là đầu vào không thể thay thế đối với một số ngành.

Đối với xã hội thì mỗi một cá nhân, gia đình là một yếu tố cấu thành nên xã hội, vì vậy việc làm cũng tác động trực tiếp đến xã hội, một mặt nó tác động tích cực, mặt khác nó tác động tiêu cực.

Vai trò của việc làm đối với từng cá nhân, kinh tế, xã hội là rất quan trọng.

c. Phân loại việc làm

- ◆ Căn cứ vào phân bổ thời gian và thu nhập

◆ Căn cứ vào thời gian làm việc thường xuyên hay không thường xuyên.

◆ Căn cứ vào số giờ làm việc trong ngày: việc làm đầy đủ, thiếu việc làm

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG

Giải quyết việc làm trên góc độ vĩ mô là các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành nhằm tạo ra cơ hội và tạo điều kiện cho lao động tận dụng cơ hội để có việc làm thay đổi trạng thái của họ từ không có việc làm thành có việc làm. Các hoạt động đó thể hiện qua các nội dung sau:

1.2.1. Nội dung giải quyết việc làm

a. Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn

b. Đào tạo nghề cho lao động nữ

c. Hỗ trợ vốn để tạo việc làm

d. Xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm

1.2.2. Tiêu chí giải quyết việc làm

- Cơ cấu lao động nữ theo nhóm tuổi, thành thị nông thôn, trình độ chuyên môn kỹ thuật

- Cơ cấu việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nữ theo ngành, thành thị nông thôn

- Số lao động có việc làm trong khu vực phi nông nghiệp

- Tổng số lao động nữ được đào tạo nghề

- Số lao động nữ được đào tạo trung cấp nghề

- Số lao động nữ được đào tạo sơ cấp nghề

- Tổng số vốn dành cho giải quyết việc làm cho lao động nữ

- Số lượng phụ nữ được vay vốn giải quyết việc làm

- Số lượng lao động nữ được xuất khẩu lao động

- Tỷ lệ lao động nữ được xuất khẩu
- Tỷ lệ vốn dành cho giải quyết việc làm cho lao động nữ/ trên tổng vốn
- Tỷ lệ lao động có việc làm trong khu vực phi nông nghiệp

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NỮ

1.3.1. Những nhân tố về điều kiện tự nhiên

Các nhân tố về điều kiện tự nhiên như đất đai, thời tiết, khí hậu, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng, biển... là những nhân tố tác động đến phát triển kinh tế- xã hội nói chung, giải quyết việc làm cho người lao động nói riêng. Bởi vì, đó là cơ sở tự nhiên quan trọng cho sự kết hợp giữa chúng với sức lao động để có các hoạt động lao động.

1.3.2. Những nhân tố về con người

Con người với tư cách là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi hoạt động lao động, vì vậy, chất lượng của nguồn lao động quyết định hiệu quả của hoạt động lao động. Trong quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá hiện nay, con người được coi là nguồn lực của mọi nguồn lực cho phát triển. Do đó, trình độ văn hoá, trình độ khoa học kỹ thuật của người lao động có ảnh hưởng quyết định đến phát triển kinh tế. Điều đó đòi hỏi không ngừng đào tạo, tập huấn cho các đối tượng lao động, phát triển mạnh giáo dục ở các vùng để hình thành một lực lượng lao động có chất lượng ngày càng cao.

Bên cạnh đó, Sức khỏe là yếu tố rất quan trọng đối với người lao động nói chung, lao động nữ nói riêng, không chỉ tạo ra khả năng làm việc, tăng thu nhập, mà còn góp phần cải thiện cuộc sống. Như vậy, vấn đề nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung là yêu cầu cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Sức

khỏe vừa là mục đích, vừa là điều kiện của sự phát triển nên yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho lao động nữ là đòi hỏi chính đáng mà xã hội cần đảm bảo.

1.3.3. Những nhân tố về xã hội

Trình độ dân trí ảnh hưởng trực tiếp đến sự gia tăng cả về số lượng lẫn chất lượng của nguồn nhân lực.

Việc làm và các vấn đề xã hội có mối quan hệ 2 chiều. Việc làm góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, xã hội phải tập trung giải quyết các vấn đề việc làm. Các nhà khoa học đã coi các chính sách dân số, lao động, việc làm thuộc về các chính sách xã hội. Vì vậy, các vấn đề xã hội, trong đó có các chính sách được coi như là nhân tố ảnh hưởng đến vấn đề giải quyết việc làm. Thực tế của nhiều nước trong đó có Việt Nam đã minh chứng rất rõ vấn đề này. Ở Việt Nam, nhờ có sự quan tâm của Đảng và Chính phủ các chương trình liên quan đến vấn đề giải quyết việc làm đã góp phần giải quyết việc làm cho lực lượng lao động khá lớn, nhất là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG TỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Thành phố Đồng Hới là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh Quảng Bình, có vị trí địa lý 17,21⁰ vĩ Bắc, 106,10⁰ kinh đông, nằm trên đường quốc lộ 1A, có vị trí trung độ của tỉnh Quảng Bình, cách thị xã Đông Hà 93 km về phía Bắc và cách huyện Bố Trạch 14 km về phía Nam.

Thành phố có phía Bắc giáp huyện Bố Trạch; phía Nam giáp huyện Quảng Ninh; Phía Đông giáp biển đông; phía Tây giáp huyện Quảng Ninh và huyện Bố Trạch.

Thành phố Đồng Hới có vị trí trung độ của tỉnh Quảng Bình, cách khu di tích Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng 50 km, cách khu du lịch suối Bang 50 km, cách khu cụm Cảng biển Hòn La 60 km và Cửa khẩu Quốc tế Cha Lo 180 km. Đồng Hới nằm ngay dọc bờ biển có sông Nhật Lệ chảy giữa lòng thành phố, bờ biển với chiều dài 12 km về phía Đông thành phố và hệ thống sông, suối, hồ, rừng nguyên sinh ở phía Tây thành phố rất thích hợp cho phát triển du lịch, nghỉ ngơi, giải trí.

b. Địa hình

- Thành phố Đồng Hới có địa hình đa dạng, bao gồm: vùng đồi, vùng đồng bằng, vùng cát ven biển; địa hình dốc đều từ Tây sang Đông, nằm giữa vùng đá vôi (Karst) và biển.

- Phần phía Đông sông Nhật Lệ là vùng cát Bảo Ninh có địa hình cồn cát ngang ổn định cao độ trung bình 10m, dốc về 2 phía sông Nhật Lệ và biển Đông. Ngoài ra còn có các dãy cát ven biển ở các xã Quang Phú, phường Hải Thành.

- Phần phía Tây sông Nhật Lệ chia làm 5 khu vực: khu vực 1 và 4 (bao gồm các khu Đồng Phú, Đồng Mỹ, Hải Đình và Phú Hải), Khu vực 2 (Bắc Lý, Nam Lý, Đức Ninh Đông, Bắc Nghĩa, Đức Ninh), Khu vực 3 (Đồng Sơn, Thuận Đức) và Khu vực 5 (Lộc

Ninh). Nhìn chung sự phân chia các khu vực đã tạo điều kiện khá thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển hạ tầng cơ sở.

c. Khí hậu, lượng mưa, chế độ nhiệt

Thành phố Đồng Hới nằm trong vùng khí hậu Bình Trị Thiên, nhiệt độ trung bình hàng năm $24,4^{\circ}\text{C}$, lượng mưa trung bình từ 1.300 đến 4.000mm, tổng giờ nắng 1.786giờ/năm, độ ẩm trung bình trong năm khoảng 84% và thuộc chế độ gió mùa: gió Đông Nam (gió Nồm), gió Tây Nam (gió Nam) và gió Đông Bắc. Khí hậu phân thành 2 mùa rõ rệt trong năm: mùa mưa và mùa nắng.

Thành phố nằm trong vùng khí hậu khắc nghiệt, nhiều biến động nhất so với cả nước; mùa mưa lũ bão thường xuyên, mùa nắng hạn hán nghiêm trọng.

2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

Thành phố Đồng Hới là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học và đầu mối giao thông của tỉnh Quảng Bình. Đồng Hới đang triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện kinh tế đất nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thị trường thu hẹp, sức mua giảm, hàng tồn kho lớn, đầu tư công thắt chặt, tín dụng tăng trưởng thấp..., Tuy vậy, UBND thành phố đã kịp thời ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết của thành phố, của tỉnh, của Quốc hội, của Chính phủ, tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, ổn định đời sống nhân dân.

Bảng 2.1. Cơ cấu kinh tế thành phố Đồng Hới giai đoạn 2008 - 2012

I. Phân theo khu vực kinh tế

DVT: %

Nhóm ngành	2008	2009	2010	2011	2012
- N.nghiệp	6,5	6,2	5,1	4,8	4,6

- CN&XD	41,2	41,3	41,7	41,7	41,8
- Dịch vụ	52,3	52,5	53,2	53,5	53,6

II. Phân theo thành phần kinh tế

Nhóm TPKT	2008	2009	2010	2011	2012
- Nhà nước	34,4	30,9	31,9	33,7	34,1
- Tập thể	1,9	1,5	1,4	1,2	0,9
- Tư nhân	5,4	9,7	12,8	15	17,3
- Cá thể	56,8	56,1	52,5	49,4	47,1
- V.ĐTNN	1,5	1,8	1,4	0,7	0,6

(Nguồn: Tổng hợp các báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của UBND Thành phố Đồng Hới)

Xét đến từng thành phần kinh tế trong nội bộ khu vực kinh tế trong nước, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng của thành phần kinh tế tư nhân từ 5,4% năm 2008 lên 17,3% năm 2012 đồng thời giảm tỷ trọng của thành phần kinh tế tập thể và cá thể theo thứ tự 1,9% và 56,8% xuống 0,9% và 47,1%. Tuy vậy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn quá chậm, kinh tế cá thể và nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

2.1.3. Trình độ kỹ thuật và chính sách sử dụng lao động của doanh nghiệp

Nhìn tổng thể việc làm của người lao động nói chung và lao động qua đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế: chất lượng việc làm chưa cao, tính ổn định, bền vững trong việc làm và hiệu quả tạo việc làm còn thấp, đặc biệt là đối với thanh niên trong độ tuổi từ 19-34 tuổi; khả năng tạo việc làm của nền kinh tế chưa nhiều.

Qua khảo sát về thực trạng việc làm của lao động nữ ở thành phố cho thấy trình độ, năng lực và chuyên môn nghề nghiệp của lao

động nữ chưa cao, nhất là lao động nữ ở nhiều vùng nông thôn, thiếu định hướng nghề nghiệp. Một thực tế khác là có những lao động nữ có trình độ, tay nghề tương đương với lao động nam, song vẫn không được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tuyển dụng. Lý do được các nhà tuyển dụng đưa ra khi từ chối tuyển lao động nữ là môi trường làm việc nặng nhọc, thời gian làm việc không phù hợp với phụ nữ, chưa có nhu cầu tuyển dụng...

2.1.4. Hoạt động của hệ thống đào tạo và tư vấn nghề

Hiện nay, Đồng Hới đang tập trung thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả Quyết định số 1956/QĐ-TTg, mở rộng ngành nghề, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và thị trường lao động, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm tại chỗ và chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; không tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc, mức thu nhập và việc làm sau khi học nghề.

a. Tình hình quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề

Từ năm 2008 đến nay, trên địa bàn thành phố từ 11 cơ sở dạy nghề tăng lên 20 cơ sở dạy nghề, trong đó: 03 trường trung cấp nghề, 05 trung tâm dạy nghề và 10 đơn vị có đăng ký hoạt động dạy nghề, Các cơ sở dạy nghề phân bố trên khắp thành phố đã cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động tại thành phố cũng như các huyện trong tỉnh nếu có nhu cầu.

Bảng 2.2. Mạng lưới cơ sở dạy nghề và cơ sở khác có dạy nghề giai đoạn 2008 -2012

TT	Cơ sở dạy nghề	Năm				
		2008	2009	2010	2011	2012
	Tổng số	11	15	17	19	20
1	Trường trung cấp nghề	1	2	2	2	3
2	Trung tâm dạy nghề	2	3	4	5	5
3	CSGD có dạy nghề (Trường trung cấp chuyên nghiệp)	2	2	2	2	2
4	Cơ sở khác có dạy nghề	6	8	9	10	10

b. Tình hình thực hiện kết quả dạy nghề

Bảng 2.3. Kết quả đào tạo nghề qua các năm 2008-2012

TT	Kết quả đào tạo nghề	Năm				
		2008	2009	2010	2011	2012
	Tổng số	6.396	1.574	9.047	9.540	9.753
1	Trung cấp nghề	919	710	954	770	850
2	Sơ cấp nghề	5.337	654	7.848	8.507	8.626
3	Dạy nghề dưới 3 tháng	140	210	245	263	277

2.1.5. Tình hình lao động và việc làm của lao động nữ ở thành phố Đồng Hới

a. Lao động nữ

Quy mô dân số lớn thì lực lượng lao động sẽ dồi dào, Đồng Hới là một thành phố trẻ vừa có khả năng phát triển toàn diện các ngành kinh tế vừa có thể chuyên môn hoá lao động sâu sắc tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy xã hội phát triển. Dân số

trung bình của Thành phố Đồng Hới năm 2006 là 107.105 người với tỷ số giới tính là 98,8nam/100 nữ và cơ cấu 49,7 nam/50,3 nữ; năm 2012 con số này là 113.885 người với tỷ số giới tính là 99,6 nam/100 nữ và cơ cấu là 49,9 nam/50,1 nữ. Dân số là nữ chiếm tới 50% dân số toàn thành phố.

Bảng 2.4. Bảng dân số trung bình qua các năm phân theo giới tính

Năm	Tổng số	Phân theo giới tính		Tốc độ tăng (%)		Cơ cấu (%)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
2006	107.105	53.219	53.886	101,69	100,84	49,7	50,3
2007	108.419	53.769	54.650	101,03	101,42	49,6	50,4
2008	110.253	54.850	55.403	102,01	101,38	49,7	50,3
2009	110.821	55.575	55.246	101,32	99,72	50,1	49,9
2010	112.517	56.181	56.336	101,09	101,97	49,9	50,1
2011	112.865	56.337	56.528	100,28	100,34	49,9	50,1
2012	113.885	56.841	57.044	100,89	100,91	49,9	50,1

Lực lượng lao động ở thành thị là 45.190 người (2012) chiếm 67,9%, trong đó lực lượng lao động nữ 22.001 người, chiếm 67,8% lực lượng lao động cả thành phố. Ngoài ra, thành thị còn chịu tác động của các dòng lao động tự do chuyển đến tìm kiếm công ăn việc làm, lực lượng lao động dôi dư từ khu vực nhà nước không chịu trở về nông thôn vẫn trụ lại đô thị để làm ăn sinh sống. Vì vậy, từ những chủ trương, phương hướng giải quyết việc làm đúng đắn, kết hợp với thực tiễn cuộc sống, trong những năm tới Đồng Hới cần tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế và tạo việc làm ở nông thôn trên cơ sở phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại đặc biệt khuyến khích phát triển trang trại sản xuất hàng hoá có giá trị xuất khẩu, thu hút nhiều lao động.

b. Cơ cấu lao động

- Cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi
- Cơ cấu lao động phân theo loại cơ quan, đơn vị hành chính
- Cơ cấu lao động nữ theo trình độ chuyên môn kỹ thuật
- Cơ cấu việc làm giải quyết cho lao động nữ theo ngành đơn vị hành chính và khu vực thành thị/nông thôn

c. Tình trạng thiếu việc làm

Đông Hới là thành phố thuộc tỉnh Quảng Bình nằm trong khu vực Bắc Trung Bộ nên tình trạng thiếu việc làm của lao động nói chung và lao động nữ nói riêng nằm trong tình trạng chung của khu vực. Thực tế cho thấy lao động nông thôn thiếu việc làm chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số lao động thiếu việc làm của thành phố.

Những năm qua, suy giảm kinh tế, thắt chặt đầu tư công... khiến các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố khó tiếp cận vốn vay ngân hàng, vốn vay ưu đãi, cộng với chi phí sản xuất cao, hàng tồn kho của các doanh nghiệp lớn, sản xuất kinh doanh đình trệ... đã ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập của người lao động.

d. Tình trạng thất nghiệp

Bên cạnh thực trạng thiếu việc làm cho lao động thành phố thì tình trạng thất nghiệp cũng nằm trong tình trạng chung của khu vực.

Trong năm 2012, Đông Hới có gần 400 doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, giải thể, một số doanh nghiệp thu hẹp chuyển đổi sản xuất kinh doanh... dẫn đến số công nhân lao động mất việc làm ngày càng tăng.

Bảng 2.11. Thất nghiệp của lao động nữ chia theo độ tuổi, thành thị/nông thôn

Nhóm tuổi	Tổng số	Nữ	Nam	% nữ	Nông thôn	Thành thị
Số lượng						
Tổng số	2.048	1.039	1.008	0	1.372	676
Dưới 30 tuổi	762	391	371	-	510	251
Từ 30-39	492	237	255	-	330	162
Từ 40-49	391	201	190	-	262	129
50 trở lên	403	211	192	-	270	133
Cơ cấu						
Toàn thành phố	100%	100%	100%	51%	100	100
Dưới 30 tuổi	37%	38%	37%	51%	37%	37%
Từ 30-39	24%	23%	25%	48%	24%	24%
Từ 40-49	19%	19%	19%	51%	19%	19%
50 trở lên	20%	20%	19%	52%	20%	20%

e. Thực trạng việc làm cho lao động nữ

Đồng Hới đã có nhiều biện pháp nhằm tạo việc làm cho lao động nữ như triển khai cho vay vốn giải quyết việc làm, đào tạo và chuyển đổi nghề cho người lao động... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nữ dễ tiếp cận thị trường lao động như tổ chức các mô hình liên kết sản xuất, phối hợp mở sàn giao dịch việc làm, phối hợp với các doanh nghiệp các lớp dạy nghề gắn với giải quyết việc làm nên việc giải quyết việc làm cho lao động nữ đã được tăng lên đáng kể. Với định hướng phát triển thành phố Du lịch trong tương lai thì tỷ lệ lao động nữ phục vụ cho Đồng Hới ngày càng cần nhiều hơn, đồng thời, với những đòi hỏi của thị trường lao động ngày càng

khất khe hơn thì lao động nữ phải không ngừng nâng cao trình độ cho phù hợp với thực tế.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ

2.2.1. Thực trạng phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết việc làm

2.2.2. Thực trạng tổ chức đào tạo nghề cho lao động nữ

2.2.3. Thực trạng hỗ trợ vốn để tạo việc làm

2.2.4. Thực trạng xuất khẩu lao động nữ

2.3. KẾT QUẢ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ Ở THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

2.3.1. Kết quả giải quyết việc làm tại thành phố Đồng Hới

Được sự hỗ trợ của các cấp, các ngành đúng hướng nên tổng số việc làm được tăng lên hàng năm, việc làm trong ngành công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh hơn ngành nông nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế cao tạo ra nhiều việc làm mới thì việc xây dựng và thực hiện có hiệu quả các Chương trình, dự án trên địa bàn như Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và giảm nghèo; Dự án nâng cao năng lực đào tạo nghề, Dự án đào tạo nghề cho nông thôn... đã phát huy trong thực tế, tác động tích cực trong vấn đề giải quyết việc làm.

Hiện nay, Đồng Hới đã và đang phát triển nguồn lao động đảm bảo về số lượng, chất lượng, hướng tới một cơ cấu nhân lực hợp lý; gia tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, chú trọng đào tạo nghề chất lượng cao; cải thiện trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn lao động nữ.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra trong công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ

Thực tế những năm qua, nhiều chế độ chính sách đối với lao động nữ ở thành phố Đồng Hới đã được thực hiện, góp phần từng nâng cao nhận thức về pháp luật lao động của lao động và người sử dụng lao động đối với lao động nữ. Tuy nhiên, tại nhiều đơn vị, quyền lợi của người lao động nữ vẫn chưa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Thể hiện giữa chính sách và thực tế còn nhiều bất cập. Người sử dụng lao động còn có nhiều vi phạm như không ký hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, chưa thực hiện đúng các quy định về VSATLĐ, điều kiện môi trường lao động, thời giờ việc làm, thời giờ nghỉ ngơi, chậm trả lương, nợ BHXH-BHYT, không thực hiện đúng chính sách cho lao động nữ mang thai, nghỉ đẻ, nuôi con...nên đã xảy ra một số vụ tranh chấp lao động, đình công, ngừng việc tập thể, ngộ độc thức ăn trong thời gian qua. Trước thực trạng trên, Liên đoàn lao động thành phố đã xây dựng và triển khai đề án “Điều tra, khảo sát về việc làm, đời sống và thực hiện chế độ chính sách đối với lao động nữ”.

a. Trình độ của lao động còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

b. Tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động đang diễn biến phức tạp

c. Việc tổ chức thực hiện các chương trình quốc gia giải quyết việc làm hiệu quả chưa cao

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI HIỆN NAY

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Một số định hướng cơ bản

a. Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn thành phố Đồng Hới phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

b. Phải đảm bảo vừa phát huy được thế mạnh của lao động nữ, vừa giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động

c. Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên cơ sở pháp luật và đảm bảo thực hiện bình đẳng giới

3.1.2. Mục tiêu giải quyết việc làm trong giai đoạn hiện nay

a. Mục tiêu chung

Quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề của thành phố giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020

Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển và đổi mới để các trường, các trung tâm, cơ sở dạy nghề

Tập trung đào tạo các ngành nghề mà doanh nghiệp, nền kinh tế, xã hội đang có nhu cầu, chú trọng

Tập trung ưu tiên đầu tư cho các trường, trung tâm dạy nghề trọng điểm, kết hợp và khuyến khích xã hội hoá công tác đào tạo nghề nhằm động viên, huy động có hiệu quả nguồn lực trong nhân dân, mở rộng sự tham gia và nâng cao vai trò của các thành phần kinh tế để phát triển sự nghiệp đào tạo nghề.

b. Mục tiêu cụ thể

Những thành quả đạt được về kinh tế - xã hội của thành phố

giai đoạn 2013 - 2015 là nền tảng để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn lao động. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động lĩnh vực nông, lâm, ngư, tăng lao động lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Phần đầu giảm tỷ lệ thất nghiệp đến năm 2015 còn 2,5%, đến năm 2020 còn 1,5% lao động trong độ tuổi.

3.2. GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

3.2.1. *Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, thương mại, phát triển doanh nghiệp để tạo việc làm cho lao động nữ*

a. Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế để tạo nhiều việc làm mới

b. Phát triển các ngành dịch vụ, thương mại tại Tp. Đồng Hới

c. Phát triển doanh nghiệp

d. Phát triển thị trường đa dạng và đồng bộ

3.2.2. *Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giải quyết việc làm cho lao động nữ*

Phát huy tối đa lợi thế so sánh về vị trí địa lý kinh tế và xây dựng thành phố là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh ngang tầm với các đô thị trong vùng. Khai thác tối đa và có hiệu quả nội lực, thu hút ngoại lực để đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện; Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa và đô thị hoá. Ưu tiên đầu tư phát triển dịch vụ, du lịch, coi phát triển dịch vụ là lĩnh vực đột phá, phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với quá trình đô thị hóa; Đảm bảo có việc làm cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vừa là nhiệm vụ quan trọng trước mắt, vừa là chiến lược lâu dài và được cụ thể hoá

trong định hướng phát triển kinh tế đến năm 2020 và quy hoạch khu đô thị dân cư nông thôn.

Để thực hiện được mục tiêu trên, trong những năm tới Đồng Hới cần phải tập trung nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với giải quyết việc làm cho người lao động nói chung, lao động nữ nói riêng. Khi tăng trưởng kinh tế sẽ gia tăng cơ hội cho các ngành sử dụng nhiều vốn do áp dụng công nghệ cao và sử dụng nhiều lao động do công nghệ vừa phải.

3.2.3. Đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho lao động nữ

a. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng lao động nữ trên địa bàn

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng đối với cả hệ thống chính trị từ các cấp, các ngành trong công tác đào tạo nghề.

Mở rộng và đầu tư phát triển các cơ sở dạy nghề và các mô hình liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp, các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, gương mẫu về đạo đức lối sống.

b. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nữ

Cần tăng cường hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm để đảm bảo tỷ lệ lao động nữ có việc làm sau khi học nghề tối thiểu đạt 70% trong giai đoạn 2011-2015.

Cụ thể, phải chú trọng phát triển các hình thức dạy nghề và ngành nghề đào tạo ngắn hạn phù hợp, nhất là liên kết với các doanh nghiệp để dạy nghề và giới thiệu, cung ứng việc làm để tạo đầu ra. Phát triển các hình thức dạy nghề đa dạng, linh hoạt gắn với tạo việc làm cho lao động nữ, nhất là lao động nữ thuộc hộ gia đình nghèo, có

hoàn cảnh khó khăn, lao động nữ tại các địa bàn nông thôn; tập trung hướng nghiệp, nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng nghề để lao động nữ có điều kiện thích nghi và hòa nhập với cơ chế thị trường, tăng hiệu quả lao động, tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lại lực lượng lao động; đồng thời mở rộng các mô hình sản xuất, phát triển kinh tế để hỗ trợ việc làm tại chỗ. Bên cạnh đó, Đồng Hới cần có nguồn vốn tạo việc làm cho lao động nữ; thực hiện các chính sách bình đẳng việc làm và các chính sách kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả việc làm; hỗ trợ nữ doanh nhân, hỗ trợ phụ nữ làm nông nghiệp tăng năng suất lao động; thúc đẩy tiếp cận bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo có chất lượng. Cần có dự báo, hướng nghiệp, hỗ trợ lao động nữ tích cực tham gia các hoạt động xã hội cũng như kỹ năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và lập nghiệp...

c. Nâng cao chất lượng hoạt động của các dịch vụ giới thiệu việc làm

+ Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bằng nhiều hình thức.

+ Cần tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho sàn giao dịch nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin thị trường lao động thông qua hệ thống internet và website của Trung tâm giới thiệu việc làm.

+ Đảm bảo việc thu thập các thông tin về quy mô đào tạo, địa chỉ của những vị trí làm việc trống của các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để cung cấp cho người lao động qua mỗi phiên giao dịch đảm bảo chính xác, hiệu quả cho người lao động khi tham gia sàn giao dịch.

+ Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên

ngành với chính quyền địa phương các cấp trong việc tổ chức mở các phiên giao dịch trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho những người lao động thực sự có nhu cầu trong tìm kiếm việc làm và học nghề, đặc biệt là việc đối thoại trực tiếp giữa người lao động, các cơ sở đào tạo và tuyển dụng trong việc thoả thuận các đơn hàng.

+ Kiểm tra, phân tích, đánh giá các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp sản xuất và doang nghiệp chuyên doanh xuất khẩu lao động có đủ điều kiện, năng lực và phù hợp với nhu cầu của người lao động trên địa bàn để đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong quá trình lao động.

3.2.4. Triển khai các chương mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm

a. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm

- Nguồn vốn Trung ương
- Ngân sách địa phương
- Các nguồn khác

Các nguồn vốn trên hoạt động mang tính hỗ trợ vốn mở rộng sản xuất kinh doanh với lãi suất ưu đãi, khuyến khích người lao động tự tạo việc làm.

b. Giải quyết việc làm thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia

- *Tạo việc làm cho lao động nữ qua Quỹ quốc gia giải quyết việc làm*
- *Tạo việc làm thông qua đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và giới thiệu việc làm của tỉnh*
- *Tạo việc làm cho lao động nữ thông qua xuất khẩu lao động*

3.2.5. Nhóm giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, bất lợi của lao động nữ trong quá trình làm việc và tự tạo việc làm

a. Nâng cao nhận thức về thực hiện Luật bình đẳng giới và chiến lược Quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ

b. Mở rộng và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nữ

c. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ

d. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động

e. Tăng cường các chính sách giáo dục và y tế, chính sách nhà ở để tạo điều kiện cho lao động nữ làm việc tốt hơn

KẾT LUẬN

Giải quyết việc làm, hạn chế tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp đối với lao động nói chung và lao động nữ nói riêng là nhiệm vụ quan trọng vừa có tính cấp bách, vừa mang tầm chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt đối với lao động nữ, giải quyết việc làm vừa phát huy tối đa tiềm năng lao động, giảm sự lãng phí về nguồn nhân lực, vừa là nguồn gốc hướng tới sự bình đẳng giới. Tạo việc làm cho lao động nữ không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn mang lại lợi ích xã hội, làm cho xã hội ngày càng công bằng và văn minh.

Trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách, nhiều chương trình đào tạo việc làm nhằm giải quyết việc làm cho người lao động và đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ. Để có chính sách việc làm phù hợp với nền kinh tế thị trường, Chính phủ đang tiến hành công bố từng thời kỳ số người có việc làm, số người thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp so với tổng số người trong độ tuổi lao động để từ đó có những giải pháp cho sự phân công, sử dụng lao động hợp lý nhất.

Việc giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn thành phố Đồng Hới trong các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế; các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua xuất khẩu lao động. Có thể khẳng định, công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ ở thành phố đã được quan tâm đặc biệt, nhờ đó lực lượng lao động nữ Đồng Hới ngày càng tham gia đông đảo và có hiệu quả trong các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc làm cho lao động nữ của thành phố vẫn còn tồn tại những bất cập cần được tiếp tục khắc phục trong thời gian tới đã được luận văn chỉ ra như cần tiếp tục tuyên truyền tăng cường nhận thức của lao động nữ về vấn đề việc làm; nâng cao trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật; nâng cao chất lượng của các cơ sở dạy nghề; tăng cường công tác tư vấn, dự báo về thị trường lao động; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyền và lợi ích chính đáng của lao động nữ... Từ những thành công và hạn chế trong quá trình giải quyết việc làm cho lao động nữ, luận văn đề xuất một số quan điểm và giải pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm cho lao động nữ, trong đó có nhấn mạnh vào các nhóm giải pháp mang tính tổng thể như nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; nhóm giải pháp về tổ chức, quản lý và đề xuất các khuyến nghị đối với các cấp bộ Đảng và chính quyền; với cơ quan đại diện cho tiếng nói của phụ nữ - Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và trực tiếp là các cơ sở sử dụng lao động nữ nhằm tạo điều kiện cho lao động nữ ở thành phố Đồng Hới được bình đẳng hơn trên phương diện tìm kiếm, lựa chọn và tiếp cận dễ dàng hơn với các cơ hội việc làm, được thực hiện quyền và nghĩa vụ lao động của mình theo đúng các quy định và các chính sách ưu tiên đối với đối tượng lao động đặc thù giúp phụ nữ Đồng Hới đóng góp nhiều hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.